

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị-xã hội

Thực hiện Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001 của Chính phủ về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế tài chính đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Thông tư này quy định quy chế tài chính áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001, Thông tư này và Điều lệ của công ty không trái với quy định của nhà nước.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN:

1. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi chung là chủ sở hữu) đầu tư và được quy định trong điều lệ Công ty.

1.1 - Vốn Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm:

+ Vốn của chủ sở hữu thực có trên sổ kế toán tại thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội sang công ty theo quy định tại Nghị định số 63//2001/NĐ-CP ngày 14/9/2001 của Chính phủ hoặc vốn chủ sở hữu đầu tư tại thời điểm thành lập Công ty;

+ Lợi nhuận sau thuế để lại bổ sung vốn cho Công ty;

+ Vốn do chủ sở hữu công ty bổ sung cho công ty (nếu có);

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước còn được bổ sung vốn từ các nguồn sau đây:

+ Khoản phải nộp ngân sách nhà nước nhưng được nhà nước để lại bổ sung vốn (nếu có) theo quy định của nhà nước;

+ Các loại vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách và coi như của ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính.

1.2. Việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của công ty do chủ sở hữu quyết định.

Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào công ty trong trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ công ty thì chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào công ty thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần số vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

Đối với số vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau 2 năm chủ sở hữu không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh giảm vốn điều lệ của công ty.

2. Huy động vốn:

Ngoài số vốn do chủ sở hữu đầu tư, công ty được quyền huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để phục vụ kinh doanh. Việc huy động vốn của công ty không được làm thay đổi hình thức sở hữu của công ty.

Công ty có trách nhiệm hoàn trả vốn đã huy động và lãi vay (nếu có) cho chủ nợ theo cam kết.

Chủ sở hữu công ty quyết định và chịu trách nhiệm về các hợp đồng vay vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm gần nhất trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế của vốn vay. Trong trường hợp đặc biệt, chủ sở hữu có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty quyết định các hợp đồng vay vốn này. Việc uỷ quyền phải được ghi trong Điều lệ công ty.

Trường hợp chủ sở hữu quyết định tỷ lệ nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính thì tỷ lệ cụ thể phải được ghi trong Điều lệ công ty. Các dự án vay vốn còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty quyết định.

3. Tài sản cố định:

3.1. Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình.

Tiêu chuẩn (về thời gian và giá trị) và nguyên giá tài sản cố định xác định theo quy định của Bộ Tài chính .

Lãi vay vốn phải trả, chênh lệch tỷ giá của các khoản vay bằng ngoại tệ để đầu tư phát sinh trước khi đưa tài sản cố định vào khai thác sử dụng, công ty hạch toán vào nguyên giá tài sản cố định.

3.2. Công ty được chủ động lựa chọn các phương án đầu tư mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản cố định phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản và hiệu quả sử dụng vốn.

- Công ty thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư xây dựng hiện hành. Riêng thẩm quyền quyết định dự án đầu tư thì chủ sở hữu công ty quyết định các dự án đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất. Trường hợp chủ sở hữu quyết định tỷ lệ nhỏ hơn 50% thì tỷ lệ cụ thể phải được quy định tại Điều lệ công ty.

Các dự án đầu tư còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty quyết định.

- Giám đốc công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại diện chủ sở hữu về tiến độ, chất lượng các dự án đã quyết định đầu tư.

- Đối với tài sản cố định là công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán giá trị công trình, hạng mục công trình thì tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị tạm tính để trích khấu hao. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch tăng hoặc giảm so với giá trị tạm tính, thì hạch toán điều chỉnh lại nguyên giá theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền duyệt.

3.3. Quản lý, sử dụng Tài sản cố định: Tài sản cố định được quản lý, sử dụng theo quy định của nhà nước

và Điều lệ Công ty: Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty quyết định mức trích khấu hao tài sản cố định theo khung quy định của Bộ Tài chính để thu hồi vốn đầu tư và bảo toàn vốn. Chủ sở hữu quyết định mức khấu hao ngoài khung quy định của Bộ Tài chính.

3.4. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Công ty chủ động xây dựng phương án và trình Hội đồng quản trị hoặc chủ tịch công ty quyết định việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn khi không có nhu cầu sử dụng hoặc tài sản đã hư hỏng không sử dụng được để thu hồi vốn. Việc nhượng bán, thanh lý tài sản phải thực hiện thông qua phương thức đấu giá. Tiền thu được từ nhượng bán, thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của công ty tại thời điểm công bố gần nhất thì do chủ sở hữu quyết định . Trong trường hợp đặc biệt chủ sở hữu có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc chủ tịch công ty quyết định và chịu trách nhiệm về kết quả của phương án thanh lý, nhượng bán tài sản . Việc uỷ quyền phải được ghi trong Điều lệ công ty. Trường hợp chủ sở hữu quyết định tỷ lệ thấp hơn 50% thì tỷ lệ cụ thể phải được ghi trong Điều lệ công ty.

4. Quản lý hàng tồn kho:

- Tài sản lưu động là hàng hoá tồn kho bao gồm hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, hàng hoá mua đang đi trên đường, hàng gửi bán, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất hoặc sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho hoặc thành phẩm đã gửi bán...

Giá hàng hoá tồn kho được xác định theo giá gốc bao gồm : giá mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan như chi phí vận chuyển, phí bốc xếp, chi phí bảo quản, phí bảo hiểm, thuế nhập khẩu (nếu có) để đưa hàng hoá tồn kho về địa điểm và trạng thái hiện tại. Nếu giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

- Tài sản lưu động là công cụ, dụng cụ lao động được phân bổ giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty trong 1 năm hoặc 2 năm tùy tính chất và giá trị của tài sản. Khi đã phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng thì công ty phải mở sổ theo dõi chi tiết để quản lý.

5. Các khoản nợ phải thu, phải trả:

Công ty phải mở sổ theo dõi các khoản công nợ theo từng đối tượng: tổng số nợ phải thu, số đã thu được và số còn phải thu, tổng số nợ phải trả, số đã trả và số còn phải trả. Thường xuyên phân tích đơn đốc thu hồi nợ và thanh toán nợ phải trả.

Trước khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp phải kiểm kê, đối chiếu từng khoản nợ với chủ nợ hoặc khách nợ. Đối với khoản nợ phải thu xác định là khó đòi hoặc đã quá hạn từ 2 năm trở lên thì phải trích lập dự phòng theo quy định hiện hành. Nợ phải thu không đòi được phải xử lý xoá sổ theo quy định của nhà nước và được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Quản lý, sử dụng vốn:

6.1. Công ty có quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn chủ sở hữu đã đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh với mục tiêu thu